

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2026

"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liên và ông Hoàng Công Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Q đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đậu Tiến T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đậu Tiến T đã tìm hiểu và đi đến kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, hợp pháp. Đã được UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (Nay là xã D, tỉnh Nghệ An) chứng nhận kết hôn ngày 11/5/2012 và đã có một người con chung là Đậu Lê Phương T1. Quá trình chung sống đến khi sinh con thì tình cảm vợ chồng không được như ý. Tính cách và quan điểm sống vợ chồng có quá nhiều khác biệt. Vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên, cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng cãi vã, xúc phạm làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung và hai bên gia đình. Mâu thuẫn chị đã cố gắng hòa hợp nhưng tình

trạng không được cải thiện, mâu thuẫn càng trầm trọng thêm và đỉnh điểm là năm 2020, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đậu Tiến T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung Đậu Lê Phương T1, sinh ngày 10/7/2020. Cháu hiện đang ở cùng chị nên ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đậu Tiến T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên không có lời khai của anh Đậu Tiến T.

Quá trình thu thập chứng cứ và chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Đậu Tiến T và đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đậu Tiến T biết nhưng anh đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của mình về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Đậu Tiến T vắng mặt không có lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa nhưng anh Đậu Tiến T đều không có mặt.

Tại biên bản xác minh đối với ông Đậu Văn T2 là bố đẻ của anh Đậu Tiến T, thì hiện nay anh T đang lao động ở nước ngoài, không có mặt ở nhà, thỉnh thoảng liên lạc với ông qua mạng xã hội. Bản thân ông chỉ biết T lao động tại nước ngoài, còn địa chỉ cụ thể thì ông không biết. Qua thông tin và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo cho anh T biết thì anh Đậu Tiến T có ý kiến với ông như sau: Anh T thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Tuy nhiên, chung sống một thời gian thì vợ chồng ly thân nhau. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống có quá nhiều khác biệt, bất đồng chính kiến trong làm ăn cũng như nuôi dạy con chung nên cuộc sống không có hạnh phúc nên nay chị H làm đơn ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị H. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đậu Lê Phương T1, sinh ngày 10/7/2020. Cháu hiện ở cùng chị H nên ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom chăm sóc con chung và không yêu cầu T cấp dưỡng thì T cũng nhất trí. Về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra T có nhờ ông nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho T biết. Bản thân ông cũng cam đoan đã thông báo cho anh T biết các văn bản tố tụng ông đã nhận của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử tại phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do nên Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Đậu Tiến T.

- Về con chung: Giao con chung Đậu Lê Phương T1, sinh ngày 10/7/2020 cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom chăm sóc giáo dục. Anh Đậu Tiến T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa chị Lê Thị H và anh Đậu Tiến T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; anh Đậu Tiến T đang ở nước ngoài nhưng đăng ký thường trú tại xã D, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An theo quy định tại khoản 1 điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15).

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đậu Tiến T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đậu Tiến T không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Cả hai lần mở phiên tòa anh Đậu Tiến T vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Đậu Tiến T được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2012

(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2012) tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (Nay là xã D, tỉnh Nghệ An) nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H xác định thì nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống trái ngược nhau nên thiếu sự thương yêu chăm sóc nhau; Vợ chồng sau khi sinh con thì mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhau. Theo ông Đậu Văn T2 là bố đẻ anh T trình bày thì hai vợ chồng hay mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, có lúc xúc phạm nhau. Trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế vợ chồng không đồng thuận. Mâu thuẫn hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nhận yêu cầu của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Đậu Tiến T như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Lê Thị H là chính đáng. Bởi lẽ, khi Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa vợ chồng. Anh Đậu Tiến T không có mặt để cung cấp cho Tòa án ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết của vụ án. Điều này cho thấy anh T không có ý thức chấp hành pháp luật và từ bỏ quyền được tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, hiện tại anh Đậu Tiến T đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại địa phương. Bản thân cháu Đậu Lê Phương T1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom chăm sóc giáo dục. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của vợ chồng được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn, cần giao con chung cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp với thực tế. Chị H không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15).

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Đậu Tiến T.

- Việc nuôi con: Giao con chung Đậu Lê Phương T1, sinh ngày 10/7/2020 cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom chăm sóc giáo dục.

Anh Đậu Tiến T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị H không có yêu cầu.

Anh Đậu Tiến T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002992 ngày 20/11/2025. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Đậu Tiến T đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND xã Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Nguyễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên

Hoàng Công Hải

Phan Văn N

